TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HC - ST
Ngày: 06 – 5 – 2024
V/v hủy quyết định hành chính về lĩnh vực đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Châu Mạnh Cường

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Cao Thế và ông Văn Anh Trình

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Mỹ Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Duy Triều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường Toà án nhân dân huyện Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 01/2023/TLST-HC ngày 21/12/2023 về việc *"Hủy quyết định hành chính về lĩnh vực đất đai"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HC ngày 17/4/2024 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Bà Võ Thị M, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

- *Người bị kiện*: Ủy ban nhân xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Xuân H - Chủ tịch Ủy ban nhân xã, có mặt.

- *Người làm chứng*:

+ Ông Trần Văn D; địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

+ Ông Hoàng Minh V; địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

+ Ông Hoàng Tấn Đ, địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

+ Ông Nguyễn Văn T, địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn Q, địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

+ Ông Hoàng Tấn P, địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.
+ Ông Nguyễn Giang N, địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.
+ Bà Lê Thị L, địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.
+ Ông Hoàng Tấn N1, địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.
+ Ông Phạm Văn H1, địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
+ Ông Trần Văn T1, địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
+ Bà Nguyễn Thị L1, địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2023, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người khởi kiện bà* Võ Thị M *trình bày:*

Từ năm 2005, do kinh tế gia đình còn nhiều khó khăn, nhận thấy diện tích ở Vùng B, thôn Q bỏ hoang không sản xuất diện tích khá lớn, bà con gần đó ra đào đất về đắp nền nhà, chuồng trâu. Gia đình bà đã mạnh dạn đến khai phá, cải tạo để sản xuất khoảng trên 01 ha. Bên cạnh diện tích đất gia đình bà khai phá có một số diện tích khác có các hộ trong xóm đang sử dụng như ông T2, ông Đ, ông T3, ông T4. Sau khoảng 02 năm thì các gia đình trên không còn sử dụng nên gia đình bà bao chiếm luôn cả diện tích này. Sau nhiều vụ sản xuất cây màu không hiệu quả do địa hình không bằng phẳng, đến năm 2011, gia đình đã tiếp tục đầu tư thuê máy ủi của ông S ở thị trấn Q về san lại mặt bằng, đào mương chứa, dẫn nước để sản xuất lúa và sử dụng cho đến nay. Trong quá trình sử dụng nêu trên, giữa UBND xã H và gia đình không ký kết bất cứ một hợp đồng nào về việc thuê đất. Tuy vậy, thời điểm UBND xã H có thông báo thu tiền sử dụng đất nên gia đình tôi có nộp một số năm. Nhưng sau khi tìm hiểu pháp luật về đất đai tại Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Đối chiếu với quy định trên thì gia đình chúng bà thuộc đối tượng được công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang sử dụng. Vì vậy, gia đình bà đã có đề nghị UBND xã H xem xét lại việc thu tiền hàng năm không đúng và không nộp nữa. Sau nhiều lần làm việc nhưng UBND xã H không có căn cứ cho rằng gia đình bà thuê đất của UBND xã. Đến giữa tháng 8/2023, UBND xã làm việc với gia đìnhbài nhưng không đi đến thống nhất. Vì vậy, đến đầu tháng 10, theo thời vụ hàng năm gia đình tôi tiếp tục thuê máy làm đất, đặt cọc mua giống, phân bón để tiếp tục sản xuất vụ Đ1 - Xuân 2023 - 2024 nhưng ngày 30/10/2023 vừa qua, UBND xã ra Thông báo tổ chức đấu thuê trên đất của tôi đang sản xuất mà không cho gia đình bà tiếp tục sử dụng. Gia đình bà đã trao đổi với anh Hà Xuân H - Chủ tịch UBND xã và đề nghị rằng anh không am hiểu về quy định của pháp luật về đất đai nên cần tranh thủ ý kiến của Cơ quan Tài nguyên - Môi trường huyện trước khi quyết định việc này để tránh sai lầm nhưng anh H không chấp nhận. UBND xã yêu cầu gai đình bà cung cấp giấy tờ chứng minh là đất của gia đình. Nội dung này gia đình bà đã nhiều lần trả

lời là đất của gia đình thuộc trường hợp đất không có giấy tờ theo quy định tại Điều 101 Luật Đất đai. Việc làm trên của UBND xã H đã trực tiếp gây ra thiệt hại về quyền lợi cho gia đình bà, thu hồi đất của gia đình bà không có căn cứ.

Vì vậy tại phiên tòa hôm nay, bà Võ Thị M đề nghị Tòa án giải quyết hủy bỏ Thông báo số 63/TB-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện Q trả lại quyền lợi hợp pháp cho gia đình bà.

- Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết và tại phiên toà người đại diện theo pháp luật của người bị kiện Chủ tịch UBND xã H, huyện Q *ông* Hà Xuân H *trình bày:*

Đất vùng B thuộc thôn Q - xã H tại tờ bản đồ số 6, số G, số A và số 11, bản đồ địa chính xã H có diện tích 21.544,1m^2 (gần 2,2 ha), bao gồm đất màu, đất cạnh vùng lăng mộ thuộc làng C, thôn Q. Năm 1994 Hợp tác xã (HTX) Quyết Tiến chia cho nhân dân theo Nghị định 64/NĐ-CP để sản xuất, đất này chủ yếu trồng cây màu; năm 2004 có chủ trương dồn điền đổi thửa của nhà nước, vùng đất này xấu bạc màu nên HTX đề xuất với xã cho nhân dân nhận ruộng vùng hồ chứa của thôn Q, quỹ đất này giao Ủy ban nhân dân (UBND) xã quản lý và UBND xã cho nhân dân đấu thầu thuê đất 5%; năm 2005 một số hộ dân thôn Q như hộ ông Nguyễn Văn T5, Hoàng Trọng T6, Nguyễn Văn T7, Nguyễn Giang N... thuê để sản xuất; trong số này có anh N thuê 13.800m^2 để sản xuất; nhưng chưa được một năm thì sản xuất khó khăn nên anh N giao lại cho hộ ông Nguyễn Đức N2 và vợ là bà Võ Thị M xin thuê lại để sản xuất; từ khi thuê đất hộ bà Võ Thị M có san gạt, be bờ để trồng lúa diện tích khoảng 700 m^2; từ khi thuê hộ bà Võ Thị M nộp tiền thuê đất đầy đủ hàng năm, từ năm 2006 đến năm 2018; từ năm 2019 đến nay không nộp tiền vì bà Võ Thị M cho rằng đất khai hoang. Năm 2021 UBND xã H tổ chức đo đạc lại (đo thủ công) và được chia thành 7 lô (từ lô số 70 đến 76) có tổng diện tích vùng B là 21.544,1m^2, trong đó ông Hoàng Tấn Đ thuê diện tích 2.964m^2, còn lại bà Võ Thị M thuê 18.492 m^2; diện tích so với thực tế tại ruộng có chênh lệch nhau nhưng không đáng kể; từ chỗ nhận thuê lại năm 2006 từ anh N là 13.800m^2, đến năm 2015 diện tích tăng lên là 18.492 m^2, do các hộ ông Nguyễn Văn T5 và hộ ông Hoàng Trọng T6, hộ ông Nguyễn Văn T7 trả ruộng không sản xuất, năm 2015 UBND xã thống kê và đấu thầu lại với diện tích bà M đấu gần toàn bộ đất vùng B là 18.492 m^2, còn lại ông Hoàng Tấn Đ thuê là 2.964m^2; năm 2015 ông N2 chồng của bà M có thương lượng với ông Đ nhường số diện tích trên cho ông N2 làm luôn nhưng ông Đ không nhất trí. Trong quá trình sản xuất bà Võ Thị M cũng có cơi nới thêm diện tích xung quanh giếng nước, lấn đường ra nghĩa trang bị hẹp lại...vv, nên diện tích tăng thêm. Qua 5 năm từ năm 2019 - 2023 bà Võ Thị M không nộp tiền thuê đất, số tiền nợ UBND xã H đến tháng 10 năm 2023 là 44.192.400đ. Hàng năm UBND xã đều thông báo hộ bà Võ Thị M và ông N2 (hóa đơn ghi nộp hàng năm đều ghi tên ông Nguyễn Đức N2 là chồng của bà Võ Thị M). Tháng 8 năm 2023 UBND xã đã họp và nhất trí đưa quỹ đất vùng B tổ chức đấu thầu lại cho nhân dân thuê; đến tháng 12 năm 2023 đã có 4 hộ nộp đơn tham gia đấu thầu; hiện nay UBND xã đã giao đất cho nhân dân trúng thầu nhận đất để sản xuất, những hộ đấu thầu trúng đã nộp tiền thuê đất đầy đủ năm

2023, như vậy tính thuế hộ bà Võ Thị M không nợ năm 2023, và chỉ nợ 4 năm trước (từ 2019 - 2022) số tiền nợ theo kế toán tính thuế là 33.009.000 đồng. UBND xã H gửi các tài liệu liên quan đến quá trình diễn biến đất đai, quá trình sử dụng, cho thuê đất, hóa đơn nộp tiền thuê đất (trong hóa đơn ghi nộp tiền hàng năm là tên ông Nguyễn Đức N2, cũng là hộ bà Võ Thị M); các bản đồ địa chính của xã tại vùng B; sổ sách theo dõi thu thuế đất hàng năm; ý kiến của nhân dân thôn Q về công tác quản lý đất đai vùng B - thôn Q. Tuy nhiên có một số tài liệu của xã trong đó các hợp đồng thuê đất và các tài liệu liên quan đến quản lý đất đai bị hư hỏng do đợt lũ lớn năm 2020 diễn ra trên địa bàn; UBND xã cung cấp các tài liệu còn lưu giữ để gửi Tòa án huyện Q xem xét, giải quyết. Việc bà Võ Thị M gửi đơn kiện đến Tòa án huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình yêu cầu "Hủy quyết định hành chính" giữa bà và UBND xã H là không có cơ sở, vì đất mà mấy lâu nay bà sản xuất từ quỹ đất 5% và đã nộp tiền thuê đất hàng năm; từ năm 2019 đến nay hộ bà Võ Thị M không nộp, theo quy định UBND xã thu hồi cho đấu thầu lại. Việc hộ bà Võ Thị M cho rằng đất khai hoang, yêu cầu "Hủy quyết định hành chính" Thông báo số 63/TB-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã H giữa bà và UBND xã H là không có cơ sở. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, giữ nguyên quyết định hành chính.

- *Ý kiến trình bày của những người làm chứng*

+ Ông Trần Văn D trình bày: Tôi làm trưởng thôn Quyết Tiến từ năm 2005 đến nay, đất vùng B, thuộc thôn Q, xã H vốn trước đây là đất thuộc nghị định 64 của các hộ gia đình nhưng do manh mún, sản xuất không hiệu quả nên khi nhà nước triển khai chủ trương dồn điền đổi thửa năm 2004, qua hội nghị nên HTX đề xuất với xã cho nhân dân nhận ruộng vùng hồ chứa của thôn Q, quỹ đất này giao UBND xã quản lý và xã cho nhân dân đấu thầu thuê đất 5%. Năm 2005 một số hộ dân thôn Q như hộ ông Nguyễn Văn T5, Hoàng Trọng T6, Nguyễn Văn T7, Nguyễn Giang N.... Hộ chị M trong quá trình sản xuất có thuê máy về cải tạo lại đê bờ mương chứa nước.

+ Ông Hoàng Minh V trình bày: Đất vùng B, thuộc thôn Q, xã H trước đây là đất Hợp tác xã chia ruộng ruộng 64 cho xã nên sau khi HTX giải thể chuyển giao cho thôn quản lý và chia đất làm màu cho xã viên làm. Đến năm 2004 thực hiện dồn điền đổi thửa thôn giao lại đất 5% cho UBND xã quản lý. Từ đó xã cho một số hộ thuê đất sử dụng và nộp lệ phí đầy đủ cho UBND xã. Thời kỳ chị M làm có thuê máy về san mặt bằng xung quanh giếng và hiện tại diện tích đó có một số hộ đã thuê đất sản xuất do xã cho thuê.

- Ông Nguyễn Giang N trình bày: Bản thân tôi là người đấu thầu vùng đất đó nhưng khó sản xuất, sau đó chuyển sang cho vợ chồng anh N2 – chị M từ năm 2005 – 2006, tôi nhận trên cơ sở là đất 5% của UBND xã H giao cho để sản xuất.

- Ông Hoàng Tấn Đ trình bày: Đất thu hồi theo Thông báo số 63/TB-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã H là đất trồng lúa, do xấu nên giao lại cho UBND xã H 5% của xã chứ không phải đất khai hoang, vợ chồng bà M có công cải tạo chứ không phải khai hoang.

- Ông Nguyễn Văn T trình bày: Đất đó là đất trồng lúa theo nghị định 64, do xấu nên giao lại cho UBND xã H làm đất 5% của xã chứ không phải đất khai hoang, vợ chồng bà M có công cải tạo chứ không phải khai hoang.

- Ông Nguyễn Văn Q trình bày: Năm 2005 gia đình bà M về thuê lại đất đó, vốn trước đây là đất anh N sản xuất chứ không phải là bà M khai hoang, nếu đất khai hoang thì gia đình tôi đã khai hoang chứ không phải gia đình bà M ở thôn khác đến khai hoang.

- Ông Hoàng Tấn P trình bày: Bà M là người dân Trần X không có lý do gì đến khai hoang tại đất của thôn Q, đất đó vốn trước đây của anh N làm nhưng sau đó do không làm nữa nên gia đình bà M thuê lại để sản xuất từ năm 2005.

- Bà Lê Thị L trình bày: Đất vốn của làng C để trồng khoai sắn, nhưng do đó đất xấu sản xuất không có hiệu quả, gia đình tôi đã bỏ không sản xuất nữa nên gia đình bà M tiếp tục sản xuất, đất đó là đất 5% thuộc U chứ không phải đất khai hoang.

- Ông Hoàng Tấn N1 trình bày: Đất sau dồn điền đổi thửa đất xa xấu nên giao lại cho UBND xã thuộc đất 5% chứ không phải đất khai hoang.

- Ông Phạm Văn H1 trình bày: Đất sau dồn điền đổi thửa đất xa xấu nên giao lại cho UBND xã thuộc đất 5% chứ không phải đất khai hoang.

- Ông Trần Văn T1 trình bày: Đất mà bà M sản xuất là đất 5% của xã chứ không phải đất khai hoang.

- Bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Gia đình tôi cũng làm ruộng, đất đó vốn là đất 5% của UBND xã quản lý, không biết gia đình bà M thuê như thế nào, đó không phải là đất khai hoang.

* *Tại phiên tòa:*

Người khởi kiện, người bị kiện đều giữ nguyên quan điểm, ý kiến của mình.

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của Luật Tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Người khởi kiện; người bị kiện đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Vụ án được thụ lý từ ngày 21/12/2023, Ngày 17/4/2024 ra quyết định đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử tại Điều 130 Luật Tố tụng hành chính,

- Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 3; 8; 30; 31; 48; 115; 116; 193; 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Điều 100, Điều 101 Luật đất đai năm 2013 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị M. Về án phí Người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo đúng quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của những người tham gia tố tụng, Đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Võ Thị M khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh yêu cầu hủy Quyết định hành chính với gia đình bà Võ Thị M. Thông báo số 63/TB-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân dân xã H, là văn bản do cơ quan hành chính nhà nước ban hành, quyết định về lĩnh vực đất đai đối với gia đình bà Võ Thị M. Do đó, quan hệ tranh chấp là khiếu kiện quyết định hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Đương sự yêu cầu hủy quyết định hành chính, của Ủy ban nhân dân xã H nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh theo Điều 31 Luật tố tụng hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung**:** Căn cứ Thông báo số 63/TB-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã H. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] *Về trình tự thủ tục ban hành các quyết định hành chính:* Quyết định hành chính là Thông báo số 63/TB-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã H. Thực hiện Quyết định số 08a/QĐ- UBND của Ủy ban nhân dân xã H về việc thành lập Hội đồng quản lý và đấu thầu đất 5%, đất ngoài dự chia trên địa bàn xã H giai đoạn 2023 – 2026. Ngày 01 tháng 8 năm 2023 tiến hành họp và ngày 17 tháng 8 năm 2023 Ủy ban nhân dân xã H đã có buổi làm việc với gia đình bà Võ Thị M về việc thuê đất 5% ở vùng Bến thôn Q để sản xuất nông nghiệp. Đến ngày 30 tháng 10 năm 2023 Ủy ban nhân dân xã H ban hành Thông báo số 63/TB-UBND là đúng theo quy định.

[2.2] *Về nội dung quyết định hành chính:*

[2.2.1] Gia đình bà Võ Thị M phải nộp số tiền thuê đất từ năm 2019 đến nay theo diện tích 13.812 m^2 với số tiền 33.009.00 0đồng. Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ và lời khai của các đương sự thể hiện. Từ năm 2019 - 2023 bà Võ Thị M không nộp tiền thuê đất, số tiền nợ UBND xã H đến tháng 10 năm 2023 là 44.192.400đ. Hàng năm UBND xã đều thông báo hộ bà Võ Thị M và ông N2 (hóa đơn ghi nộp hàng năm đều ghi tên ông Nguyễn Đức N2 là chồng của bà Võ Thị M). Từ năm 2006 đến năm 2018. Tháng 8 năm 2023 UBND xã đã họp và nhất trí đưa quỹ đất vùng B tổ chức đấu thầu lại cho nhân dân thuê; đến tháng 12 năm 2023 đã có 4 hộ nộp đơn tham gia đấu thầu; hiện hiện nay UBND xã đã giao đất cho nhân dân trúng thầu nhận đất để sản xuất, những hộ đấu thầu trúng đã nộp tiền thuê đất đầy đủ năm 2023, như vậy tính thuế hộ bà Võ Thị M không nợ năm 2023, và chỉ nợ 4 năm trước (từ 2019 - 2022) số tiền nợ theo kế toán tính thuế là 33.009.000 đồng là phù hợp.

[2.2.2] Yêu cầu hộ gia định bà Võ Thị M cung cấp hồ sơ giấy tờ có liên quan đến việc đề nghị công nhận và cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đối với phần diện tích chênh lệch tăng thêm so với Hợp đồng thuê trước đây.

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ và lời khai của các đương sự thể hiện: Đất vùng Bến thuộc thôn Q - xã H tại tờ bản đồ số 6, số G, số A và số 11, bản đồ địa chính xã H có diện tích 21.544,1m^2 (gần 2,2 ha), bao gồm đất màu, đất cạnh vùng lăng mộ thuộc làng C, thôn Q. Năm 1994 HTX Quyết Tiến chia cho nhân dân theo Nghị định 64/NĐ-CP để sản xuất, đất này chủ yếu trồng cây màu (BHK); năm 2004 có chủ trương dồn điền đổi thửa, vùng đất này xấu bạc màu nên Hợp tác xã đề xuất với xã cho nhân dân nhận ruộng vùng hồ chứa của thôn Q, quỹ đất này giao Ủy ban nhân dân xã quản lý và UBND xã cho nhân dân đấu thầu thuê đất 5%; năm 2005 một số hộ dân thôn Q như hộ ông Nguyễn Văn T5, Hoàng Trọng T6, Nguyễn Văn T7, Nguyễn Giang N... thuê để sản xuất; trong số này có anh N thuê để sản xuất; nhưng chưa được một năm thì sản xuất khó khăn nên anh N giao lại cho hộ ông Nguyễn Đức N2 và vợ là bà Võ Thị M xin thuê lại để sản xuất; từ khi thuê đất hộ bà Võ Thị M có san gạt, be bờ để trồng lúa; từ khi thuê hộ bà Võ Thị M nộp tiền thuê đất đầy đủ từ hàng năm, từ năm 2006 đến năm 2018; từ năm 2019 đến nay không nộp tiền vì bà Võ Thị M cho rằng đất khai hoang.

Lời khai của những người làm chứng đều thừa nhận diện tích đất của bà Võ Thị M đang sản xuất nông nghiệp bị thu hồi theo Thông báo số 63/TB-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã H là đất 5% của xã quản lý.

Như vậy, bà Võ Thị M cho rằng diện tích đang sử dụng là đất khai hoang là không có cơ sở.

[2.3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị M khởi kiện Ủy ban nhân dân xã H.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị M không được chấp nhận, căn cứ vào khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng Hành chính; Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Võ Thị M phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét thấy lời trình bày của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 3; 8; 30; 31; 48; 115; 116; 193; 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Điều 100, Điều 101 Luật đất đai năm 2013; Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác đơn yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị M về việc khiếu kiện hủy Quyết định hành chính là Thông báo số 63/TB-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện Q.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Võ Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm để sung quỹ nhà nước. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Võ Thị M đã nộp theo biên lai số 0003754 ngày 21/12/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Quảng Ninh. Bà M đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

3. Án xử công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/5/2024).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Châu Mạnh Cường